

Quế Phong, ngày 28 tháng 06 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 - Công ty CP thủy điện Quế Phong

Kính thưa:

- Quý vị đại biểu;
- Quý vị cổ đông Công ty CP thủy điện Quế Phong;
- Thưa toàn thể Đại hội.

Hôm nay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; thay mặt Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017, dự kiến kế hoạch SXKD năm 2018 như sau:

I. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Tổng cộng
1	Sản lượng	kWh			
	Sản lượng KH 2017	kWh	63,000,000	10,000,000	73,000,000
	Sản lượng TH 2017	kWh	79,675,490	11,902,610	91,578,100
	Tỷ lệ	%	126,47%	119,03%	125,45%
2	Doanh thu	Tỷ đồng			
	Doanh thu KH 2017	Tỷ đồng	84,355	12,706	97,062
	Doanh thu TH 2017	Tỷ đồng	88,891	12,490	101,381
	Tỷ lệ	%	105,38%	98,30%	104,45%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			
	Kế hoạch	Tỷ đồng			41,100
	Thực hiện	Tỷ đồng	47.082	3.318	50,400
	Tỷ lệ	%			122,63%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			
	Kế hoạch	Tỷ đồng			38,509
	Thực hiện	Tỷ đồng	41.938	3.205	45,143
	Tỷ lệ	%			117,23%

II. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2017:

1. Về thực hiện chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017:

Trong năm 2017, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, các nhà máy trực thuộc công ty tiếp tục tập trung phát điện tối đa vào giờ cao điểm theo Hợp đồng biểu giá chi phí tránh được

và đã vượt các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu theo kế hoạch đề ra, cụ thể: sản lượng của cả hai nhà máy đạt 91,578,100 kWh vượt 25,45% so với kế hoạch đề ra; doanh thu đạt 101,381 tỷ đồng (không bao gồm thuế TN và phí dịch vụ môi trường rừng) vượt 4,45% so với kế hoạch đề ra; các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều vượt đáng kể so với kế hoạch đề ra lần lượt là 22,63% và 17,23%. Đây là kết quả hết sức ấn tượng trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực hiện có của công ty và sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh tại Mỏ đá Pù Càng, do nhu cầu của thị trường tiêu thụ hiện nay còn hạn chế, đồng thời có sự cạnh tranh lớn nên mức tiêu thụ không đạt hiệu quả cao. Năm 2017, sản lượng sản xuất chủ yếu phục vụ các công trình trong nội bộ Công ty và Tổng công ty điện lực Trung Sơn.

2. Về công tác đầu tư:

Trong năm 2017 Công ty đã thực hiện công tác khảo sát và lập dự án đầu tư để lựa chọn phương án tối ưu thực hiện dự án Nhà máy thủy điện Bản Cốc B. Hiện nay đang làm việc với các cơ quan ban ngành và địa phương để xin bổ sung quy hoạch dự án vào quy hoạch thủy điện tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015-2025.

- Trong năm 2017, Công ty cũng đã tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng các tổ máy Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Sao Va nâng cao hiệu quả vận hành phát điện. Đầu tư xây dựng các hạng mục nhà ở, nhà làm việc để phục vụ nhu cầu sinh hoạt và làm việc của CBCNV. Ngoài ra còn rà soát khắc phục một số hư hỏng, thiếu sót cho các Nhà máy để đảm bảo vận hành an toàn hiệu quả.

3. Về công tác tài chính:

Năm 2017 tình hình tài chính của Công ty đạt được những kết quả khả quan, đảm bảo cân đối được dòng tiền trả nợ cho các tổ chức tín dụng, không để phát sinh nợ quá hạn.

Tình hình dư nợ tại các TCTD: ĐVT: 1.000 đồng

TT	Tên tổ chức tín dụng	Dư nợ đến ngày 01/01/2017	Số phát sinh trả nợ trong năm 2017		Dư nợ đến ngày 31/12/2017
			Gốc	Lãi	
I	Vay dài hạn				
1	OCB – CN Nghệ An	83.408.335	18.531.600	7.794.365	64.876.735
2	BIDV – CN Phủ Quỳ	17.823.543	3.580.000	1.789.527	14.234.543
	Cộng	101.231.878	22.111.600	9.583.892	79.120.278

III. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017:

- Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017: Như đã trình bày ở trên.
- Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.
- Về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2017:

Dự toán tổng mức lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) của Công ty $\geq 100\%$ kế hoạch năm, soát tối đa là 720 triệu đồng. Thực tế Công ty đã thực hiện chi trả 720 triệu đồng.

IV. Báo cáo tài chính năm 2017:

1. Bảng cân đối kế toán:

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		140.475.977.722	115.662.767.253
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.938.963.995	24.574.644.636
1. Tiền	111		13.295.350.975	23.964.644.636
2. Các khoản tương đương tiền	112		643.613.020	610.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.064.321.759	89.484.215.817
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	43.290.067.131	41.785.270.622
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.822.224.326	10.545.416.179
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	70.264.151.205	34.566.030.651
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.707.879.097	2.607.498.365
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20.000.000)	(20.000.000)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	1.471.232.360	270.636.817
1. Hàng tồn kho	141		1.471.232.360	270.636.817
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.459.608	1.333.269.983
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.459.608	354.865.538
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	978.404.445
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		299.843.611.927	324.664.922.204
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		774.542.245	558.397.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	774.542.245	558.397.000
II. Tài sản cố định	220		290.284.198.954	314.052.408.675
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	287.983.058.727	311.159.306.848
- Nguyên giá	222		472.670.002.176	465.445.795.117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(184.686.943.449)	(154.286.488.269)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.301.140.227	2.893.101.827
- Nguyên giá	228		3.724.769.595	3.724.769.595
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.423.629.368)	(831.667.768)
III. Tài sản dài hạn khác	260		8.784.870.728	10.054.116.529
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	8.784.870.728	10.054.116.529
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		440.319.589.649	440.327.689.457

0061
ĐƠN
S PH
YẾ
PH
NG - T

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		178.345.756.512	184.237.867.304
I. Nợ ngắn hạn	310		116.766.521.961	91.065.328.614
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	42.897.647.291	60.005.039.123
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.041.336.216
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.983.117.188	5.100.798.328
4. Phải trả người lao động	314		1.125.376.120	1.668.063.922
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12a	8.467.327.160	1.492.267.473
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	37.269.035.437	126.223.552
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	20.931.600.000	20.631.600.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.092.418.765	-
II. Nợ dài hạn	330		61.579.234.551	93.172.538.690
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.12b	3.390.556.786	12.572.260.925
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	58.188.677.765	80.600.277.765
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		261.973.833.137	256.089.822.153
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	261.973.833.137	256.089.822.153
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		185.831.000.000	185.831.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.831.000.000	185.831.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.924.187.646	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.707.115.491	69.747.292.153
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.564.485.742	(58.718.742.090)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		45.142.629.749	128.466.034.243
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		511.530.000	511.530.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		440.319.589.649	440.327.689.457

V. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

Năm 2017, HĐQT công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ là 20%/VĐL bằng tiền mặt (kèm theo tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017). HĐQT công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp trong năm 2018 để chi trả cho cổ đông.

VI. Kế hoạch SXKD năm 2018:

1. Thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2018:

1.1. Thuận lợi:

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết nội bộ tốt, yêu lao động, có nhu cầu công việc cao, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng;

- Được sự giúp đỡ của các cổ đông chính như Tổng công ty Điện lực Trung Sơn và các Cổ đông lớn khác;

- Được sự giúp đỡ, quan tâm của chính quyền và nhân dân địa phương;

- Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về chính sách đầu tư nguồn điện;

- Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Sao Va đã đi vào vận hành kinh doanh 5 năm nên cán bộ công nhân viên Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong việc tác nghiệp với các cơ quan hữu

quan nhất là với Tổng công ty điện lực Miền Bắc, Trung tâm điều độ hệ thống điện trong sản xuất và thanh toán tiền điện.

- Một số yếu tố khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư;...

1.2. *Khó khăn:*

- Toàn bộ dự án nằm trong khu vực miền Tây Nghệ An, khí hậu có nét đặc thù và khắc nghiệt; giao thông đi lại khó khăn và thông tin liên lạc còn nhiều hạn chế. Trụ sở Công ty đóng xa trung tâm, có những diễn biến phức tạp về trật tự, trị an. Cơ sở vật chất còn khó khăn thiếu thốn: Điều kiện đi lại khó khăn; các dịch vụ y tế, trường học nằm cách quá xa Công ty; thông tin liên lạc kém, không ổn định dẫn đến CBCNV không an tâm phát triển;

- Điện lượng điện trung bình năm chỉ đạt 65% so với công suất thiết kế, đặc biệt điện lượng vào mùa khô đạt rất thấp không đảm bảo như kỳ vọng của dự án (*Do hiện tượng khí hậu thay đổi thất thường – chế độ Thủy văn có sự suy giảm, lượng mưa giảm thấp so với số liệu thiết kế, công tác khảo sát đánh giá ban đầu chưa sát với thực tế, qua 7 năm vận hành từ năm 2009 lại nay chế độ thủy văn không có sự thay đổi khác*);

2. Kế hoạch SXKD năm 2018:

Trên cơ sở xác định các điều kiện nội tại của Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong cũng như xác định những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2017; Kế hoạch SXKD năm 2017 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

- **Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bán Cốc	TĐ Sao Va	Tổng cộng
1	Sản lượng	kWh	65.000.000	10.000.000	75.000.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	87.033	12.706	99.740
	Tiền bán điện		80.462	11.695	92.157
	Tiền thuế TN cộng vào giá bán		5.272	811	6.083
	Tiền phí dịch vụ MTR cộng vào giá bán		1.300	200	1.500
3	Doanh thu hoạt động tài chính				3.000
4	Doanh thu khác				6.000
4	Chi phí		13.534	3.552	60.468
	Chi phí tiền lương				6.000
	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên		2.611	1.271	3.882
	Chi phí thuế TN		5.272	811	6.083

	Phí dịch vụ MTR		1.300	200	1.500
	Chi phí quản lý		4.352	1.271	5.622
	Chi phí sửa chữa lớn				
	Chi phí khấu hao TSCĐ				29.382
	Chi phí lãi vay				8.000
5	Chi phí khác				3.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			45.271
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			42.558
6	Trả cổ tức năm 2017	%/VDL			20

Nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư, hiệu quả SXKD của Công ty; Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét thông qua các chỉ tiêu kinh tế nêu trên đồng thời thông qua việc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động điều chỉnh kế hoạch năm 2018 (*nếu thấy cần thiết*) cho phù hợp tình hình hoạt động thực tế, chính sách của Nhà nước, mức độ ổn định vĩ mô nền kinh tế của Việt Nam trong năm 2018.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm khác trong năm 2018:

- Tiếp tục tập trung phát điện vào giờ cao điểm theo Hợp đồng biểu giá chi phí tránh được.
- Hoàn thiện công tác chuẩn bị để khởi công dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Bản Cốc B trong năm 2018.
- Tiếp tục rà soát toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị Nhà máy, trạm, hệ thống điều khiển, đường dây để sửa chữa, thay thế, nâng cấp đáp ứng được yêu cầu phát điện với hiệu quả cao nhất.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Tổng giám đốc Công ty trong năm 2017, Kế hoạch SXKD năm 2018 dự kiến và một số vấn đề khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty CP thủy điện Quế Phong xem xét thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, TV BKS;
- Website Công ty;
- Lưu VP, Tài liệu Đại hội.

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thái Hưng